

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
1	Nguyễn Thịnh	An	112820
2	Nguyễn Hải	An	133903
3	Phạm Thanh	An	148059
4	Hứa Văn	An	149152
5	Nguyễn Đặng Duy	An	149154
6	Đỗ Trương Thái	An	176987
7	NGUYỄN ĐOÀN VY	AN	176990
8	Phún Tấn	An	176995
9	Nguyễn Hà	An	178179
10	Nguyễn Thị Phước	An	178183
11	VÕ LƯU	AN	178194
12	Lê Nguyễn Khánh	An	179327
13	Nguyễn Phú	An	179331
14	Trần Thúy	An	179336
15	Nguyễn Châu Bình	An	180519
16	Vũ Phạm Thiên	An	180537
17	Lầu Phú	An	181767
18	Nguyễn Vũ Hòa	An	181772
19	Nguyễn Thọ Châu	An	183194
20	Lê Thái	An	186540
21	Trương Bùi Khánh	An	188268
22	Trương Quỳnh	An	188269
23	Tô	An	92057
24	Lê Văn	An	93195
25	Phạm Ngọc Gia	An	93527
26	Hồ Ngọc	An	93971
27	Nguyễn Thị Trâm	Anh	126883
28	Nguyễn Thị Kim	Anh	146562
29	Nguyễn Quỳnh	Anh	148092
30	Nguyễn Vân	Anh	148095
31	Trần Lan	Anh	148106
32	Vũ Thị Vân	Anh	148118
33	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	149186
34	Nguyễn Quỳnh	Anh	149249
35	Võ Quỳnh	Anh	149304

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
36	HUỖNH NGUYỄN NGỌC	ANH	177013
37	Nguyễn Nhựt Kim	Anh	177030
38	PHAN VŨ TIẾN	ANH	177048
39	CAO NHẬT	ANH	178209
40	Hà Phạm Mai	Anh	178219
41	Lê Nguyễn Nhật	Anh	178224
42	LÊ PHẠM MAI	ANH	178226
43	Lê Thị Quỳnh	Anh	178227
44	NGUYỄN LƯƠNG HỒNG	ANH	178240
45	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	178252
46	PHẠM ĐỖ PHƯƠNG	ANH	178260
47	Phạm Quốc	Anh	178266
48	PHAN MAI TUỜNG	ANH	178268
49	Văn Quỳnh	Anh	178277
50	Lê Phạm Tâm	Anh	179362
51	Mai Phương	Anh	179366
52	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	179375
53	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	179377
54	Nguyễn Nhật	Anh	179378
55	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	179383
56	Phan Thị Phương	Anh	179395
57	Trương Huỳnh Hoàng	Anh	179405
58	Đỗ Đặng Nhật	Anh	180545
59	Nguyễn Diệu	Anh	180561
60	Nguyễn Tuấn	Anh	180583
61	Trần Vân	Anh	180601
62	Lê Tuấn	Anh	181783
63	Trần Hải	Anh	181792
64	Hồ Trâm	Anh	183230
65	Nguyễn Phương	Anh	183262
66	Lê Hồng	Anh	186576
67	Nguyễn Hồng Quế	Anh	186588
68	Nguyễn Nhật	Anh	186592
69	Phạm Ngọc	Anh	186601
70	Lê Nguyễn Quỳnh	Anh	188289

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
71	Ngô Minh	Anh	92095
72	Phạm Hà	Anh	92124
73	NGUYỄN HOÀNG THỰC	ANH	93990
74	Đào Hà	Anh	94440
75	Lê Hoàng Ngọc	Ánh	179411
76	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	183305
77	La Thiên	Ân	149174
78	Hoàng Thiên	Ân	178198
79	Nguyễn Phúc Hồng	Ân	178203
80	Trần Thiên	Ân	178206
81	NGUYỄN HOÀNG	BÁCH	177061
82	ĐẶNG LÂM GIA	BẢO	177063
83	Đình Gia	Bảo	177064
84	Lê Trung	Bảo	177072
85	PHẠM GIA	BẢO	177077
86	Nguyễn Trần Gia	Bảo	180640
87	Dương Quốc	Bảo	186635
88	Nguyễn Hoài Thiên	Bảo	92167
89	Lê Đức Chi	Bảo	94866
90	Châu Ngọc	Bích	180651
91	LÊ KIM	BIÊN	94012
92	Nguyễn Hữu	Bình	92183
93	Nguyễn Lương	Chấn	93552
94	Đặng Bảo	Châu	177089
95	Phan Bảo	Châu	177094
96	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	178324
97	Dương Quỳnh Bảo	Châu	179444
98	Phan Thị Hoàng	Châu	179451
99	Nguyễn Trần Bảo	Châu	180665
100	Phạm Ngọc Bảo	Châu	180666
101	Thái Ngọc Minh	Châu	180667
102	Trần Hoàng Bảo	Châu	180668
103	Đoàn Bảo	Châu	92189
104	Nguyễn Minh	Châu	92194
105	TRẦN BẢO	CHÂU	93554

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
106	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	CHI	92200
107	Nguyễn Hoàng	Chinh	177100
108	Nguyễn Vũ Văn	Chương	178335
109	Lê Sỹ	Cường	177104
110	Hồ Minh	Cường	178336
111	Lương Bích	Diệp	143158
112	Phan Bạch	Diệp	177135
113	PHAN PHÚ	DĨNH	9191
114	Dương Khiết	Doanh	180727
115	Trần Anh Tuấn	Dũ	177140
116	Nguyễn Ngọc	Dung	149476
117	Nguyễn Thu	Dung	178391
118	Lê Ngọc	Dung	179508
119	Nguyễn Kim	Dung	180739
120	Hoàng Hà	Dung	183447
121	Nguyễn Ngọc Thanh	Dung	93259
122	NGUYỄN NGỌC KIM	DUNG	94514
123	Bùi Nhật	Dũng	106213
124	Trần Đức	Dũng	177153
125	Nguyễn Đắc Tiến	Dũng	179515
126	Võ Tấn	Dũng	179522
127	Lê Quang	Dũng	188410
128	NGUYỄN TRÍ	DŨNG	9198
129	Nguyễn Tấn	Dũng	94046
130	Đình Bảo	Duy	149499
131	Đoàn Lê	Duy	149503
132	Nguyễn Hữu Phi	Duy	160617
133	Lê Minh	Duy	177164
134	Ngô Trần Quốc	Duy	177165
135	Nguyễn Đức	Duy	178417
136	Lê Minh	Duy	179531
137	Nguyễn Dương Bảo	Duy	183494
138	Thái Châu Khánh	Duyên	146771
139	Trương Thiên Mỹ	Duyên	177175
140	Trần Thùy Mỹ	Duyên	185029

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
141	Đỗ Trùng	Dương	143216
142	Lê Minh Cao	Dương	177156
143	Tô Thùy	Dương	177158
144	Phùng Thụy Ánh	Dương	91808
145	Trần Nguyễn Thuỳ	Dương	92250
146	Huỳnh Bá	Đại	179468
147	Nguyễn Lê Minh	Đan	149418
148	Phan Trần Linh	Đan	149422
149	Lê Nguyễn Khánh	Đan	178340
150	Nguyễn Linh	Đan	180690
151	PHẠM PHÚC UYÊN	ĐANG	178343
152	Lu Nhân	Đạt	106179
153	Nguyễn Bảo	Đạt	146702
154	Cao Tấn	Đạt	178353
155	Nguyễn Tiến	Đạt	178365
156	Nguyễn Dương Minh	Đạt	180703
157	Nguyễn Thành	Đạt	180706
158	Ngô Hữu	Đạt	181825
159	Lê Xuân Thành	Đạt	186733
160	Nguyễn Tiến	Đạt	186738
161	Lê Trần Minh	Đạt	92220
162	Hứa Đặng Hải	Đăng	183396
163	Nguyễn Bình Phương	Đăng	183398
164	Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	183427
165	Đoàn Long	Định	92231
166	Phạm Ngọc Khánh	Đoan	177139
167	Võ Văn Minh	Đức	149474
168	Trịnh Hồng	Đức	177146
169	Huỳnh Minh	Đức	179501
170	Trần Trí	Đức	186768
171	PHAN PHẠM HOÀNG	GIA	178426
172	Đinh Ngọc Phương	Giang	134063
173	Lê Anh	Giang	177179
174	LÊ VŨ HƯƠNG	GIANG	177181
175	MAI THỊ KIỀU	GIANG	177182

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
176	LƯƠNG NGỌC SÔNG	GIANG	178433
177	LIU HƯƠNG	GIANG	178434
178	Lê Quang Vệ	Giang	92264
179	NGUYỄN NGỌC QUỲNH	GIANG	92268
180	Nguyễn Phan Hương	Giang	94054
181	Nguyễn Trần Quỳnh	Giao	183519
182	Nguyễn Ngân	Hà	149544
183	Hứa Đoàn Ngọc	Hà	179539
184	Nguyễn Liên	Hà	180774
185	Trần Ngọc Thiên	Hà	181862
186	Nguyễn Minh	Hải	94062
187	Hoàng Trung	Hải	94894
188	Nguyễn Minh	Hạnh	179586
189	Lương Tín	Hào	186882
190	Đoàn Trương Gia	Hảo	181886
191	Ngô Thái Thanh	Hằng	127008
192	Nguyễn Minh	Hằng	134093
193	Vũ Thúy	Hằng	177229
194	Phạm Nguyễn Thanh	Hằng	180810
195	Phùng Ngọc Gia	Hân	106270
196	Ngô Diệp	Hân	148266
197	Trần Phạm Gia	Hân	148276
198	Âu Dương Bảo	Hân	149558
199	Phạm Thị Gia	Hân	161143
200	LÊ HOÀNG NGỌC	HÂN	177200
201	Lê Khả	Hân	177201
202	PHẠM NGUYỄN BẢO	HÂN	177217
203	QUÁCH NGỌC GIA	HÂN	177220
204	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	178459
205	Trần Nguyễn Gia	Hân	178470
206	Ngô Gia	Hân	179560
207	Nguyễn Tăng Nhã	Hân	180792
208	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	180793
209	Trần Ngọc Khánh	Hân	180802
210	Lý Gia	Hân	181874

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
211	Hà Gia	Hân	183539
212	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	183545
213	Nguyễn Phúc Gia	Hân	186853
214	Nguyễn Thụy Ngọc	Hân	94067
215	Tô Thanh	Hân	95364
216	Nguyễn Lê Gia	Hân	95510
217	Nguyễn Đức	Hiên	94072
218	Nguyễn Thị Thu	Hiên	183597
219	BÙI THANH	HIÊN	92314
220	Quang	Hiếu	126068
221	Nguyễn Trọng	Hiếu	149618
222	Nguyễn Dương Minh	Hiếu	161162
223	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	186913
224	Dương Xuân	Hoa	179603
225	Vũ Thiên Hồng	Hoa	179604
226	Trần Gia	Hoà	149627
227	Huỳnh Nhật	Hòa	178505
228	Trương Phạm Thu	Hoài	183624
229	Lê Hoàng Phương	Hoài	186922
230	Nguyễn Huy	Hoàng	177256
231	Nguyễn Huy	Hoàng	179612
232	Phạm Minh	Hoàng	181902
233	Nguyễn Việt	Hoàng	93294
234	Nguyễn Cao	Huân	146886
235	Hồ Lê Nhân	Huân	149651
236	Hà Nguyên	Huân	178521
237	ĐỖ MINH	HÙNG	177267
238	Ngô Kiến	Hùng	179628
239	Trần Huy	Hùng	9218
240	Lai Nhất	Huy	148359
241	Dương Đình	Huy	149688
242	LÊ GIA	HUY	177302
243	MAI HỒ MINH	HUY	177304
244	Lê Trần Đức	Huy	178559
245	Nguyễn Công Nhật	Huy	178563

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
246	Nguyễn Văn Hà	Huy	178569
247	Trần Thành	Huy	178577
248	Lê Hoàng	Huy	179647
249	Lý Võ Gia	Huy	179651
250	Ngô Quý Đức	Huy	179653
251	Nguyễn Đức	Huy	179654
252	Trương Minh	Huy	179673
253	Đặng Lê Gia	Huy	180880
254	ĐỖ NHẬT	HUY	180882
255	Kiều Gia	Huy	180888
256	Lê Hoàng Gia	Huy	180891
257	Huỳnh Quang	Huy	183683
258	Đình Công Gia	Huy	186962
259	Huỳnh Minh	Huy	186964
260	Nguyễn Quang Gia	Huy	90870
261	NGUYỄN GIA	HUY	94098
262	Phạm Nhật	Huy	94920
263	NGÔ VÕ PHƯƠNG	HUYÊN	177314
264	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	149737
265	Trịnh Thanh	Huyền	149738
266	Chung Đức	Hưng	177273
267	HỒ GIA	HƯNG	177276
268	Nguyễn Quốc	Hưng	177281
269	Quách Nguyễn Bá	Hưng	177282
270	Trần Sáng	Hưng	177284
271	Hồ Phước	Hưng	178529
272	Hoàng Gia Phục	Hưng	178530
273	Phạm Gia	Hưng	178536
274	Tạ Tuấn	Hưng	178539
275	Hà Quốc	Hưng	179633
276	Nguyễn Quang	Hưng	180859
277	Vũ Quang	Hưng	180863
278	Nguyễn Tấn	Hưng	186957
279	Lê Long	Hưng	93299
280	Nguyễn Trương Mỹ	Hương	148348

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
281	Lại Ngọc Quỳnh	Hương	177288
282	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	178545
283	Nguyễn Mai	Hương	178546
284	Vũ Hạnh Thiên	Hương	179641
285	Nguyễn Thiên	Hương	180868
286	Nguyễn Huỳnh	Hương	183664
287	PHẠM VIẾT	HỮU	177296
288	Triệu Nam	Hy	179678
289	Lữ Phi	Kha	149740
290	HỒ QUANG	KHẢI	94104
291	Lê Chí	Khang	149761
292	Lương Vũ An	Khang	149763
293	Nguyễn Trọng Vĩnh	Khang	160105
294	NGUYỄN PHÚC	KHANG	177333
295	PHAN NGUYỄN PHÚC	KHANG	177337
296	Tăng Minh	Khang	177338
297	DƯƠNG THỂ	KHANG	178590
298	Lại Vũ Minh	Khang	179684
299	Lê Bảo	Khang	179685
300	Lê Hoàng An	Khang	179686
301	Nguyễn Xuân	Khang	179690
302	Phan Trần Bảo	Khang	179693
303	TẠ VINH	KHANG	180944
304	Ngô Gia	Khang	187017
305	Nguyễn Hà Vĩnh	Khang	92391
306	Trần Nguyễn Duy	Khang	92402
307	NGUYỄN ĐỨC VĨNH	KHANG	94112
308	Tăng Vĩnh	Khang	95239
309	Nguyễn Hoàng	Khanh	149785
310	Đặng Tuấn	Khanh	179705
311	Nguyễn Công Thoại	Khanh	183761
312	Nguyễn Mai	Khanh	188579
313	Huỳnh Minh	Khánh	149792
314	VÕ QUỐC	KHÁNH	177354
315	Lưu Đặng	Khánh	178611

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
316	Nguyễn Đình Quốc	Khánh	178614
317	Hoàng Đào Kim	Khánh	179707
318	Huỳnh Nam	Khánh	179708
319	Trần Ngọc	Khánh	188588
320	LƯƠNG QUỐC	KHÁNH	93840
321	Huỳnh Doãn Gia	Khiêm	178618
322	Nguyễn Huỳnh Gia	Khiêm	180956
323	Hồ Lê Minh	Khiết	179718
324	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	148437
325	Phan Mai Anh	Khoa	148441
326	Bùi Vũ Đăng	Khoa	149808
327	Võ Đăng	Khoa	149836
328	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	177366
329	Tổng Đăng	Khoa	178632
330	Mai Nguyễn Anh	Khoa	179724
331	Mai Nguyễn Đăng	Khoa	179725
332	Phạm Văn Đăng	Khoa	183788
333	Hoàng Nguyễn Ngọc	Khoa	9236
334	Đoàn Nhật Anh	Khoa	92429
335	Nguyễn Đình Anh	Khoa	92437
336	Phạm Đình Anh	Khoa	92443
337	Nguyễn Đăng Duy	Khoa	94933
338	Trần Anh	Khôi	111872
339	Huỳnh Minh	Khôi	127114
340	Ngô Anh	Khôi	145896
341	HUỲNH GIA	KHÔI	178635
342	TRƯƠNG MAI	KHÔI	92466
343	Nguyễn Ngọc Minh	Khôi	94136
344	Lâm Nguyên	Khôi	95388
345	Nguyễn Bảo Minh	Khuê	126201
346	Trần Lê Minh	Khuê	181956
347	Tôn Nữ Như	Khuê	9526
348	Nguyễn Trung	Kiên	147082
349	Thân Đức	Kiên	177389
350	Nguyễn Lê Mạnh	Kiên	181957

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
351	Mai Trung	Kiên	183811
352	Nguyễn Phúc	Kiên	183812
353	PHẠM	KIÊN	93626
354	Võ Tuấn	Kiệt	106518
355	NGUYỄN TUẤN	KIỆT	177396
356	Nguyễn Tuấn	Kiệt	179754
357	Diệp Tuấn	Kiệt	187089
358	Lê Anh	Kiệt	93337
359	NGUYỄN LÊ HOÀNG	KIM	177402
360	Lê Võ Thiên	Kim	181966
361	Lâm Thiên	Kim	92487
362	Nguyễn Thiên	Kim	94581
363	TRẦN NHÃ	KỶ	145926
364	Lâm Nhã	Kỳ	185216
365	Phạm Hoàng Gia	Lạc	94150
366	NGUYỄN NGỌC BẢO	LAM	177411
367	Trần Hoàng	Lam	183842
368	Huỳnh Khánh	Lam	92498
369	QUÁCH THIÊN	LAM	93941
370	Vũ Hoàng Phương	Lan	179776
371	VÕ Ý	LAN	181040
372	Nguyễn Hương	Lan	93344
373	Nguyễn Linh	Lan	94950
374	Trần	Lâm	149914
375	Phan Hoàng Trúc	Lâm	177415
376	Trần Thùy	Lâm	178669
377	Trương Thùy	Lâm	181037
378	Đặng Cát	Lâm	181968
379	Nguyễn Như	Lâm	9247
380	Nguyễn Hoàng	Lâm	92503
381	Trần Hải Thùy	Lâm	92507
382	Hoàng Thảo	Linh	147137
383	Đoàn Ngọc Khánh	Linh	149934
384	Khúc Phương	Linh	149942
385	Nguyễn Ánh	Linh	149950

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
386	Lê Thị Phương	Linh	161227
387	TRẦN NGUYỄN KHÁNH	LINH	177431
388	Lê Hà	Linh	178680
389	Nguyễn Trần Nhật	Linh	178690
390	Trương Đăng Khánh	Linh	178694
391	Hoàng Khánh	Linh	179783
392	Nguyễn Thị Huyền	Linh	179799
393	Phan Gia	Linh	179803
394	Trần Phan Thùy	Linh	179806
395	Đỗ Ngọc Phương	Linh	181976
396	Võ Duy	Linh	181986
397	Nguyễn Thị Hà	Linh	185234
398	Phan Huỳnh Thục	Linh	187154
399	Huỳnh Trần Khánh	Linh	92514
400	Trần Ngọc Ái	Linh	92529
401	TRƯƠNG GIA	LINH	92531
402	Vòng Diệu	Long	148527
403	Lê Hoàng	Long	150007
404	NGÔ THANH	LONG	177449
405	Nguyễn Bảo	Long	178715
406	Nguyễn Đức	Long	179822
407	Thái Bảo	Long	92549
408	Thái Phú	Lộc	147172
409	Võ Tấn	Lộc	179816
410	Nguyễn Phát	Lộc	94167
411	Vũ Hoàng Vĩnh	Lộc	94169
412	Nguyễn Đắc	Lợi	177443
413	Nguyễn Phúc	Lợi	178706
414	Lý Gia	Luân	127201
415	Nguyễn Tăng	Lực	134270
416	Đinh Khánh	Lương	179833
417	Mai Lưu	Ly	181105
418	Nguyễn Thị Xuân	Mai	106583
419	Nguyễn Hoàng	Mai	113495
420	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	127209

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
421	NGUYỄN XUÂN	MAI	177460
422	NGUYỄN NGỌC	MAI	181111
423	Trần Xuân	Mai	181116
424	Phạm Thanh	Mai	183950
425	Hà Ngọc	Mai	187216
426	Trịnh Lê Hoàng	Minh	147244
427	Trịnh Ngọc	Minh	148558
428	Đinh Quang	Minh	150052
429	PHẠM HOÀNG QUANG	MINH	177480
430	Hồ Quang	Minh	179850
431	Lê Ngọc Từ	Minh	179853
432	Phạm Lê	Minh	179858
433	Phan Phước	Minh	179859
434	Đặng Nhật	Minh	181119
435	Mai Ngọc	Minh	181125
436	Nguyễn Hùng	Minh	181126
437	Huỳnh Đức	Minh	187244
438	Trần Quang	Minh	187257
439	Trần Nguyễn Hiếu	Minh	9264
440	BÙI QUANG	MINH	93361
441	TRẦN TRỌNG ĐỨC	MINH	93649
442	Đoàn Tuệ	Minh	94186
443	Đồng Nhật Diễm	My	150086
444	NGUYỄN TRẦN HẢI	MY	177504
445	TRẦN HẢI	MY	177506
446	HUỲNH NGỌC UYÊN	MY	178762
447	Đặng Nguyễn Thảo	My	179866
448	Lê Trần Bảo	My	179871
449	Võ Phú Nhã	My	179881
450	Trần Thị Thảo	My	181159
451	Nguyễn Hồ Hiền	My	182019
452	Cao Nguyệt Hà	My	183989
453	Lê Nguyễn Trà	My	183997
454	Cao Lê Khánh	My	187263
455	Nguyễn Lê Thảo	My	92610

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
456	Phạm Nguyễn Trà	My	93382
457	Đoàn Nguyễn Ngọc	My	94617
458	Châu Hoàng	My	94974
459	Nguyễn Phạm Thanh	Mỹ	92617
460	NGÔ KHẢI	NAM	177515
461	NGUYỄN NHẬT	NAM	178775
462	Nguyễn Thanh	Nam	178776
463	Đỗ Bá Hoàng	Nam	179884
464	Lê Khánh	Nam	179886
465	Nguyễn Trần An	Nam	181170
466	Huỳnh Tấn	Nam	184024
467	Trần Đình	Nam	187304
468	Hoàng Nhật	Nam	94204
469	TRẦN NGUYỄN THANH	NAM	94209
470	HUỲNH LÊ NGỌC	NGA	177518
471	HUỲNH LÊ THÚY	NGA	177519
472	Lê Thanh	Nga	177520
473	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	150128
474	Võ Ngọc Kim	Ngân	150137
475	MÃ THỊ THẢO	NGÂN	177533
476	TRẦN HOÀNG HIẾU	NGÂN	177546
477	Hồ Nguyễn Thảo	Ngân	178783
478	LÊ CAO KIM	NGÂN	178784
479	Phan Lê Bảo	Ngân	178788
480	Trần Kim	Ngân	178790
481	Đỗ Kim	Ngân	179897
482	Huỳnh Thị Thanh	Ngân	179899
483	Nguyễn Hải	Ngân	179906
484	Nguyễn Trịnh Khánh	Ngân	179911
485	Võ Ngọc	Ngân	181187
486	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	187328
487	Trương Kim	Ngân	187347
488	Hứa Ngọc	Ngân	188750
489	Huỳnh Song	Ngân	92633
490	Phan Thị Thanh	Ngân	94633

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
491	CÙ LIÊN	NGHI	177554
492	Đoàn Gia	Nghi	177556
493	Lê Hoàng Bảo	Nghi	177557
494	HOÀNG MINH BẢO	NGHI	178794
495	Châu Gia	Nghi	179917
496	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	179927
497	Tôn Nguyễn Đông	Nghi	179932
498	Đoàn Lê Gia	Nghi	182036
499	Lê Nguyễn Gia	Nghi	92648
500	Lục Trọng	Nghĩa	127283
501	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	148618
502	SẨM TUẤN	NGHĨA	177564
503	Nguyễn Trần Hiếu	Nghĩa	181197
504	Đàm Tuấn	Nghiêm	181200
505	Chu Thị Hồng	Ngọc	144034
506	Nguyễn Bích	Ngọc	147334
507	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	148635
508	Quách Bảo	Ngọc	150196
509	Nguyễn Thanh	Ngọc	160797
510	LÊ BẢO	NGỌC	177571
511	Lê Trần Yến	Ngọc	177573
512	Nguyễn Gia	Ngọc	177576
513	Nguyễn Thanh	Ngọc	177580
514	TRẦN LÊ BÍCH	NGỌC	177588
515	VƯƠNG BẢO	NGỌC	177591
516	Bùi Hoàng Bảo	Ngọc	178805
517	Đỗ Hà Hồng	Ngọc	178812
518	Nguyễn Đình Khánh	Ngọc	178820
519	Lê Thanh	Ngọc	179945
520	Lê Yến	Ngọc	179946
521	Lưu Hồng	Ngọc	179947
522	Nguyễn Như Ánh	Ngọc	179957
523	Trần Bảo	Ngọc	179965
524	Trần Lương Minh	Ngọc	179967
525	Hồ Dương Minh	Ngọc	181209

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
526	Nguyễn Thị Như	Ngọc	181222
527	Huỳnh Bảo	Ngọc	182048
528	Mai Bảo	Ngọc	182049
529	Trần Bảo	Ngọc	182056
530	Đỗ Lê Bích	Ngọc	184064
531	Phạm Diễm	Ngọc	184090
532	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	187382
533	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	187385
534	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	187391
535	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngọc	93876
536	BÙI VŨ BẢO	NGỌC	94653
537	Đình Thanh	Ngọc	94654
538	Nguyễn Tuấn	Nguyên	147357
539	Lý Võ Khôi	Nguyên	148651
540	Tạ Minh Bình	Nguyên	148659
541	Khương Đông	Nguyên	150211
542	Lâm Y Thảo	Nguyên	178841
543	Trịnh Công Lam	Nguyên	178848
544	VŨ NGUYỄN KHẢI	NGUYỄN	178849
545	Huỳnh Phúc	Nguyên	182058
546	Phạm Khôi	Nguyên	184104
547	Đoàn Nguyễn Phúc	Nguyên	92694
548	Lý Trung	Nguyên	94226
549	Nguyễn Đắc	Nguyên	94227
550	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	147368
551	Phạm Minh	Nguyệt	179987
552	Hứa Phương	Nguyệt	92707
553	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	184116
554	NGUYỄN NGỌC THANH	NHÀN	93672
555	ĐẶNG NGUYỄN THIÊN	NHÂN	177612
556	Nguyễn Thiên	Nhân	177616
557	TRƯƠNG PHAN PHÚ	NHÂN	177618
558	Đỗ Thành	Nhân	178853
559	Nguyễn Thành	Nhân	179995
560	Lê Đình	Nhân	182061

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
561	Trần Trọng	Nhân	182065
562	Đặng Thành	Nhân	9276
563	Đình Quang	Nhật	150251
564	Cao Minh	Nhật	179998
565	Phan Minh	Nhật	180004
566	Nguyễn Minh	Nhật	187447
567	Phan Vĩnh	Nhật	188822
568	Nguyễn Khánh	Nhật	92728
569	Tổng Viết	Nhật	92730
570	Nguyễn Nguyệt	Nhi	127336
571	Giang Mẫn	Nhi	128521
572	Trần Ngọc Bảo	Nhi	148699
573	Thái Bảo	Nhi	150283
574	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	161310
575	HUỲNH NGỌC THẢO	NHI	177626
576	NGUYỄN NGỌC Ý	NHI	177639
577	Trương Ngọc Bảo	Nhi	177650
578	Hứa Uyên	Nhi	178867
579	NGUYỄN ĐỖ UYÊN	NHI	178870
580	Nguyễn Thị Phương	Nhi	178876
581	Phạm Yên	Nhi	178880
582	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	180018
583	Nguyễn Thảo	Nhi	180023
584	Lê Nguyễn Uyên	Nhi	181259
585	Lê Trần Tương	Nhi	181260
586	Nguyễn Ái	Nhi	181262
587	Nguyễn Đình Ngọc	Nhi	188836
588	Nguyễn Đặng Thư	Nhi	93886
589	PHẠM ĐẶNG YẾN	NHI	94241
590	Nguyễn Trần Khánh	Nhiên	181278
591	Lữ Xuân	Nhung	187518
592	VÕ MAI	NHU'	177675
593	Đình Vũ Ái	Như	178888
594	NGUYỄN HỒNG ANH	NHU'	178894
595	Nguyễn Hoàng Linh	Như	180037

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
596	Lê Trần Quỳnh	Như	181289
597	Phùng Thơ	Như	181295
598	Võ Thị Mỹ	Như	187512
599	Nguyễn Anh	Như	92759
600	Hoàng Diễm	Như	93423
601	Đinh Lan Quỳnh	Như	93889
602	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	94248
603	PHẠM ĐẶNG YẾN	OANH	94253
604	Trương Tiến	Phát	148742
605	Nguyễn Thiên	Phát	150339
606	CAO ĐỨC	PHÁT	178908
607	Đỗ Võ Huy	Phát	180058
608	Hà Xuân	Phát	180059
609	Lê Hồ Thiên	Phát	180061
610	Nguyễn Tấn	Phát	180064
611	Phạm Tấn	Phát	180066
612	Trần Trọng	Phát	180072
613	Đỗ Thành	Phát	181305
614	Lâm Duy	Phát	181309
615	Nguyễn Tiến	Phát	184214
616	Trần Minh	Phát	184222
617	Trần Tuấn	Phát	184225
618	Phan Huỳnh Gia	Phát	187556
619	ĐẶNG TẤN	PHÁT	92763
620	Nguyễn Hồng	Phát	92768
621	Nguyễn Thuận	Phát	93689
622	Đoàn Vũ Thanh	Phong	178923
623	Phạm Hồ Thanh	Phong	187574
624	Nguyễn Vĩnh	Phổ	178920
625	Nguyễn Gia	Phú	178929
626	Đặng Thiên	Phú	180084
627	Trần Quốc	Phú	181335
628	Trần Minh	Phú	184249
629	Trần Thành	Phú	187594
630	LÊ QUANG THIÊN	PHÚ	92778

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
631	NGUYỄN HOÀNG GIA	PHÚ	92781
632	Trương Công	Phú	92784
633	Đào Trọng	Phú	9284
634	Đỗ Đình Thiên	Phú	95433
635	Trần Thiên	Phúc	148772
636	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	150379
637	Vũ Ngọc	Phúc	150395
638	Lê Vĩnh	Phúc	177724
639	Trịnh Mai	Phúc	177734
640	Vương Hoàng	Phúc	178951
641	Huỳnh Nguyễn Hồng	Phúc	180097
642	Nguyễn Hải Thiên	Phúc	180100
643	Nguyễn Khắc Duy	Phúc	180104
644	Trương Như	Phúc	180111
645	Lê Gia	Phúc	181339
646	Nguyễn Vũ Hoàng	Phúc	182118
647	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	187601
648	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	92796
649	Phạm Hoài	Phúc	92799
650	Lê Phan Gia	Phúc	93429
651	Trần Hồng	Phúc	94699
652	NGUYỄN NGỌC NHƯ	PHỤNG	177739
653	Lâm Trà Nam	Phương	150404
654	Phạm Thái Thanh	Phương	178960
655	Phan Lâm Uyên	Phương	178961
656	HÀ TUYẾT MAI	PHƯƠNG	181366
657	Trần Lê Thanh	Phương	181376
658	Trần Nguyễn Cúc	Phương	182131
659	Nguyễn Trần Minh	Phương	184292
660	Trần Thị Hà	Phương	184298
661	Lê Đoàn Bích	Phương	187623
662	Nguyễn Ngọc Huệ	Phương	187627
663	Lê Đặng Nam	Phương	92814
664	Nguyễn Hải Nam	Phương	92821
665	Lê Thị Mỹ	Phương	93435

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
666	Cao Hoàng Mỹ	Phương	94703
667	Nguyễn Hà	Phương	94706
668	LÊ VÕ NHẬT	QUANG	177770
669	Nguyễn Đỗ Vinh	Quang	178978
670	Trần Minh	Quang	92854
671	Võ Nhật	Quang	94300
672	Trương Diễm	Quân	127452
673	Lê Hoàng	Quân	147530
674	LÊ ANH	QUÂN	177762
675	Ngô Tất Anh	Quân	178966
676	VŨ MINH	QUÂN	178974
677	Mai Anh	Quân	180138
678	Nguyễn Minh	Quân	180139
679	Lê Hoàng	Quân	182136
680	Nguyễn Hà	Quân	182138
681	Lê Ngọc	Quân	94292
682	NGUYỄN LƯƠNG HOÀNG	QUỐC	93449
683	Trần Ái	Quốc	93450
684	Nguyễn Thị Như	Quý	181400
685	Đinh Phạm Khánh	Quyên	178982
686	Đoàn Phương	Quyên	180155
687	Nguyễn Tú	Quyên	180160
688	Lê Nguyễn Ái	Quỳnh	150476
689	Nguyễn Hồ Diễm	Quỳnh	150481
690	Chu Hoàng Diễm	Quỳnh	177782
691	NGUYỄN THỊ NHƯ'	QUỲNH	177787
692	TRẦN THỊ HƯƠNG	QUỲNH	177792
693	BÙI VÕ NHƯ'	QUỲNH	178989
694	Nguyễn Trần Trúc	Quỳnh	178995
695	Đoàn Lại Như	Quỳnh	180165
696	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	180173
697	Phan Nguyễn Khánh	Quỳnh	180176
698	Phan Thụy Như	Quỳnh	180177
699	NGUYỄN NGỌC NHƯ'	QUỲNH	181414
700	Võ Như	Quỳnh	92871

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
701	NGUYỄN THANH	SANG	177797
702	NGUYỄN HẢI	SANG	93453
703	NGUYỄN HỮU	TÀI	177810
704	Nguyễn Thành	Tài	180200
705	Trương Tấn	Tài	181431
706	Đoàn Anh	Tài	184373
707	Nguyễn Đức	Tài	93709
708	Ngô Minh	Tâm	127496
709	Lý Minh	Tâm	177818
710	Vũ Thị Minh	Tâm	177821
711	Lê Nguyễn Thành	Tâm	181435
712	Phan Nữ Hoàng	Tâm	187736
713	Quan Như	Tâm	187737
714	Nguyễn Hoàng Nhật	Tân	125622
715	Lê Nhật	Tân	127499
716	Phạm Bùi Minh	Tân	127500
717	CAO LƯƠNG HOÀNG	TÂN	177822
718	Lê Đức	Tân	93457
719	Nguyễn Trọng	Tấn	181443
720	PHẠM HẢI	THẠCH	9311
721	Đỗ Quốc	Thái	150533
722	Lê Quang	Thái	179030
723	Lê Hoàng Mỹ	Thanh	128798
724	Nguyễn Nhật	Thành	181468
725	Võ Kiến	Thành	184441
726	Nguyễn Bá	Thành	187784
727	Phạm An	Thạnh	180225
728	Vũ Phương	Thảo	161399
729	Phạm Thị Phương	Thảo	179066
730	Bùi Phương	Thảo	180226
731	Diệp Thanh	Thảo	180228
732	Trần Thị Phương	Thảo	180245
733	Nguyễn Thanh	Thảo	181475
734	Võ Thị Phương	Thảo	92913
735	Trần Dương Tâm	Thắng	142221

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
736	Đỗ Lê Chiến	Thắng	180215
737	Trương Quang	Thi	92916
738	Ngô Thanh	Thiên	127537
739	Mai Ngọc Ý	Thiên	179073
740	Nguyễn Trần Thanh	Thiên	179075
741	Bùi Việt Minh	Thiên	94325
742	Lê Y	Thiên	94732
743	NGÔ HOÀNG	THIỆN	177871
744	Nguyễn Minh	Thiện	179078
745	Lương Gia	Thịnh	150614
746	NGUYỄN BẢO TOÀN	THỊNH	177880
747	Nguyễn Đỗ Hữu	Thịnh	181501
748	Nguyễn Phú	Thịnh	181503
749	THÁI GIA	THỊNH	92927
750	Đình Quốc	Thông	127547
751	Đỗ Minh	Thông	180267
752	Đặng Đức	Thông	94734
753	Thái Gia	Thuận	182218
754	Trần Mai Mỹ	Thùy	177931
755	Trần Thanh	Thúy	185589
756	Trần Thị Phương	Thùy	150679
757	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	177932
758	Nguyễn Vy	Thụy	180308
759	PHẠM AN	THUYỀN	147761
760	Phạm Đào Đan	Thuyền	92963
761	Nguyễn Mai Minh	Thư	150647
762	Huỳnh Anh	Thư	177895
763	Nguyễn Minh	Thư	177901
764	Vũ Quỳnh Minh	Thư	177922
765	Đình Minh	Thư	179088
766	Nguyễn Minh	Thư	179095
767	Võ Kim	Thư	179109
768	Võ Ngọc Trang	Thư	179111
769	Lê Hà Anh	Thư	181523
770	Lê Anh	Thư	182206

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
771	Nguyễn Hoàng Kim	Thư	182208
772	Trần Hồ Anh	Thư	182211
773	Trần Ngọc Anh	Thư	187884
774	Đoàn Ngọc Minh	Thư	92936
775	Thái Minh	Thượng	187901
776	Văn Quý	Thy	147776
777	Hồ Phạm Anh	Thy	150686
778	Nguyễn Hoàng Khánh	Thy	180313
779	Nguyễn Minh	Thy	180315
780	Nguyễn Hoàng	Thy	181568
781	Trần Bảo	Thy	185603
782	Nguyễn Bảo	Thy	187920
783	Đinh Nguyễn Bảo	Thy	92966
784	NGUYỄN NGỌC ĐAN	THY	92975
785	Lê Trần Bảo	Thy	94349
786	BÙI PHẠM NGỌC	TIÊN	177947
787	Bùi Thủy	Tiên	179126
788	Ngô Ngọc Thủy	Tiên	181577
789	Vũ Đỗ Ngọc	Tiên	184570
790	Vũ Thủy	Tiên	187939
791	Nguyễn Mạc Xuân	Tiên	92978
792	Trần Huỳnh Hoa	Tiên	92980
793	Đặng Hồng Tiên	Tiên	93479
794	Đỗ Minh	Tiến	179132
795	Phan Xuân	Tiến	180334
796	Võ Hữu	Tiến	180335
797	Trương Gia	Toàn	148960
798	Nguyễn Thái Đức	Toàn	177970
799	Nguyễn Ảnh	Toàn	180338
800	Nguyễn Mạc Thái	Toàn	180339
801	Trịnh Thị Mỹ	Trà	95080
802	Nguyễn Thị Phương	Trang	126716
803	Nguyễn Vũ Thùy	Trang	134666
804	TRẦN HOÀNG YẾN	TRANG	178011
805	Đoàn Sơn Ngọc	Trang	179166

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
806	Hoàng Hải Yến	Trang	181618
807	Nguyễn Lê Phương	Trang	93734
808	Nguyễn Hồ Ngọc	Trâm	150723
809	Trần Lê Thị	Trâm	177984
810	Lê Hoàng Ngọc	Trâm	180341
811	Nguyễn Ngô Tú	Trâm	181597
812	Đặng Lê Ngọc	Trâm	182238
813	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	185632
814	Phạm Huỳnh Phương	Trâm	93000
815	Nguyễn Hoàng Ngọc	Trân	128943
816	Ngô Ngọc Bảo	Trân	177993
817	Nguyễn Thị Bảo	Trân	180361
818	Lê Đỗ Bảo	Trân	185635
819	PHẠM NGUYỄN BẢO	TRÂN	93732
820	NGUYỄN BÁ	TRÍ	147837
821	Đỗ Minh	Trí	178015
822	NGUYỄN NHẬT MINH	TRÍ	178021
823	Bùi Xuân	Trí	180375
824	Hoàng Minh	Trí	180378
825	Mai Nguyễn Minh	Trí	180382
826	Lê Đức	Trí	93025
827	Đặng Minh	Trí	94374
828	Lê Trung	Trí	94376
829	Nguyễn Minh	Triết	134675
830	Nguyễn Chánh	Triết	188019
831	Võ Nguyễn Minh	Triết	93032
832	Lê Minh	Triết	94382
833	Nguyễn Lê Ngọc	Trình	180394
834	Nguyễn Thị Phương	Trình	180395
835	Nguyễn Phúc	Trọng	179192
836	Đặng Nguyễn Anh	Trọng	180397
837	Nguyễn Minh	Trúc	179200
838	Dương Thị Thanh	Trúc	188036
839	Nguyễn Ngọc Thủy	Trúc	188045
840	Nguyễn Hoàng	Trung	179209

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
841	Phan Ling Việt	Trung	179211
842	Lê Nữ Kiều	Trường	178041
843	NGUYỄN THANH	TÚ	147890
844	Lê Khả	Tú	180411
845	Trần Nam	Tú	182268
846	Nguyễn Hoàng	Tuấn	147901
847	Nguyễn Phan Anh	Tuấn	181664
848	Nguyễn Phùng Thiên	Tuấn	181665
849	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	188090
850	Lê Minh	Tuệ	181670
851	DƯƠNG NGỌC SƠN	TÙNG	179231
852	Tô Thanh	Tùng	179232
853	Dương Ngọc Ánh	Tuyết	181677
854	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	149046
855	Trần Hoàng Cát	Tường	178064
856	Nguyễn Cao	Uy	178068
857	Lê Nguyễn Mỹ	Uyên	149059
858	Hồ Nguyễn Lan	Uyên	180437
859	Nguyễn Triều	Uyên	180441
860	Đoàn Ngọc Bảo	Uyên	181678
861	Ngô Nguyễn Thảo	Uyên	181682
862	Nguyễn Huỳnh Minh	Uyên	93509
863	Lê Nguyễn Phương	Uyên	93916
864	Nguyễn Lê Trúc	Vân	150846
865	Nguyễn Nguyễn Thanh	Vân	150847
866	NGUYỄN THỊ TƯỜNG	VÂN	178080
867	Nguyễn Hồng Khánh	Vân	180443
868	Nguyễn Thị Thủy	Vân	180444
869	Lưu Thụy Lê	Vân	93080
870	Đinh Ngọc Thanh	Vân	95210
871	THÁI NGỌC TƯỜNG	VI	178089
872	Trần Ngọc Thảo	Vi	185731
873	Nguyễn Phương	Vi	188140
874	Hứa Tường	Vi	93091
875	BÙI QUỐC	VIỆT	178090

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ**DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024**

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
876	Nguyễn Thế	Vinh	160497
877	Nguyễn Văn Hữu	Vinh	184773
878	Đặng Ngọc Hồng	Vinh	93100
879	Nguyễn Thành	Vinh	94412
880	Nguyễn Minh	Vũ	188164
881	Trịnh Trần Hoàng	Vũ	188170
882	Nguyễn Lê	Vy	129111
883	Nguyễn Thảo	Vy	145625
884	Huỳnh Ngọc Thanh	Vy	147976
885	Trần Nguyễn Tường	Vy	149120
886	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	150899
887	Phan Thảo	Vy	161045
888	HUỲNH TRẦN KHÁNH	VY	178125
889	NGUYỄN GIA BẢO	VY	178132
890	Phạm Phương	Vy	178146
891	Phan Võ Tường	Vy	178149
892	Trịnh Nguyễn Tường	Vy	178155
893	Bùi Ngọc Diễm	Vy	179271
894	Đỗ Thị Thúy	Vy	179272
895	Huỳnh Thị Bảo	Vy	179278
896	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	179293
897	Võ Phương	Vy	179305
898	Đinh Lê Phương	Vy	180471
899	Lê Ngọc Phương	Vy	180477
900	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	180483
901	Nguyễn Khánh	Vy	180484
902	Nguyễn Phương	Vy	180488
903	Phạm Ngọc Phương	Vy	181747
904	Trần Khánh	Vy	181750
905	Lê Yến	Vy	182306
906	Dương Nguyễn Kiều	Vy	185744
907	Lê Mai	Vy	188187
908	Tân Nguyễn Tường	Vy	188209
909	Lương Thị Thuý	Vy	93109
910	Nguyễn Ngọc Khánh	Vy	94417

TRƯỜNG THPT TRẦN PHÚ

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN LỚP 10 NĂM HỌC 2023 - 2024

STT	Họ và chữ lót	Tên	SBD
911	Nguyễn Hồ Phương	Vy	94819
912	PHAN NGUYỄN TUỜNG	VY	94824
913	NGUYỄN LÊ THANH	XUÂN	93129
914	LÊ ĐOÀN MỸ	Ý	179310
915	Lê Ngọc Như	Ý	180503
916	Hồ Thị Như	Ý	188235
917	Nguyễn Hoàng Hà	Yên	179316
918	Đoàn Nguyên Khả	Yên	184859
919	LÊ HỒNG	YẾN	178170
920	Văn Lữ Hoàng	Yên	181764
921	Huỳnh Hải	Yên	182321
922	Vũ Đình Hoàng	Yên	182324
923	Nguyễn Hải	Yên	184865
924	Hà Gia	Yên	188247